HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

LỆNH của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 19-LCT/HĐNN8 ngày 11-7-1989 công bố Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 của Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước,

NAY CÔNG BỐ :

Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1989.

T.M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

LUẬT Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân.

Căn cứ vào chương IX của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Hội đồng Nhân dân là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân ở địa phương, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và chính quyền cấp trên.

Điều 2. — Hội đồng Nhân dân bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Nhà nước, quyết định của chính quyền cấp trên, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của cấp mình và xuất phát từ lợi ích chung của đất nước, lợi ích của nhân dân địa phương quyết định và bảo đảm thực hiện các chủ trương, biện pháp để phát huy tiềm năng của địa phương, xây dựng và phát triển địa phương về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân địa phương và làm tròn nghĩa vụ của địa phương đối với Nhà nước.

Số đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp và thể thức bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân do Luật định.

Điều 3. — Thường trực Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân do Hội đồng Nhân dân bầu ra.

Thường trực Hội đồng Nhân dân được thành lập ở Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương, huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh và thị xã là cơ quan bảo đảm việc tổ chức các hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp đó, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Nhân dân cùng cấp, chịu

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

sự giám sát và hướng dẫn của Hội đồng Nhân dân cấp trên, của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.

Ủy ban Nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng Nhân dân, là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhân dân cùng cấp, chịu sự lãnh đạo của Ủy ban Nhân dân cấp trên và sự lãnh đạo thống nhất của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 4. — Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng Nhân dân các cấp là năm năm.

Nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng Nhân dân và của Ủy ban Nhân dân theo nhiệm kỳ của Hội đồng Nhân dân cùng cấp. Khi Hội đồng Nhân dân hết nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng Nhân dân bầu ra Thường trực Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân mới.

Điều 5.— Hội đồng Nhân dân tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Hội đồng Nhân dân bảo đảm việc quản lý địa phương theo Hiến pháp và pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; không ngừng củng cố mối liên hệ mật thiết với nhân dân; ngăn ngừa, khắc phục tệ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, vô trách nhiệm và các biểu hiện tiêu cực khác trong các cơ quan Nhà nước và nhân viên Nhà nước ở địa phương.

Điều 6. — Hiệu quả hoạt động của Hội đồng Nhân dân được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Hội đồng Nhân dân, hiệu quả hoạt động của Thường trực Hội đồng Nhân dân, của Ủy ban Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân và hiệu quả hoạt động của các đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Điều 7.— Trong hoạt động của mình, Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân và các đại biểu Hội đồng Nhân dân cộng tác chặt chẽ với Mặt trận tổ quốc Việt Nam, với các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội khác và vận động công dân tham gia rộng rãi vào việc quản lý Nhà nước và thực hiện các nghĩa vụ của mình.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 8. — Hội đồng Nhân dân thực hiện những nhiệm vụ và sử dụng những quyền hạn quy định tại điều 115 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo sự phân cấp quản lý của chính quyền cấp trên, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của trung ương, đồng thời phát huy quyền chủ động, sáng tạo của địa phương.

Điều 9.— Về kinh tế, Hội đồng Nhân dân:

1. Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch của cấp trên, xây dựng quy hoạch, quyết định kế hoạch kinh tế — xã hội và dự toán ngân sách của địa phương; phê chuẩn việc thực hiện kế hoạch và quyết toán ngân sách của địa phương;

2. Quyết định chủ trương, biện pháp phát triển các thành phần kinh tế ở địa

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phương theo pháp luật của Nhà nước, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở ;

3. Quyết định chủ trương, biện pháp về phát triển sản xuất, kinh doanh, phân phối lưu thông, dịch vụ ; xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở địa phương ; thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả và quản lý thị trường ;

4. Quyết định chủ trương, biện pháp về dân số, phân bố lao động và dân cư ở địa phương ;

5. Quyết định biện pháp quản lý đất đai, rừng núi, sông hồ, hầm mỏ, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và cải thiện môi trường sống ở địa phương, theo quy định của pháp luật ;

6. Bảo đảm thực hiện chính sách tiết kiệm trong mọi hoạt động kinh tế và quản lý Nhà nước của địa phương.

Điều 10. — Về khoa học và kỹ thuật, Hội đồng Nhân dân :

1. Thông qua kế hoạch phát triển khoa học, kỹ thuật và ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật ;

2. Bảo đảm việc thực hiện các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm ở các đơn vị cơ sở thuộc các thành phần kinh tế.

Điều 11. — Về văn hóa, xã hội và đời sống, Hội đồng Nhân dân :

1. Quyết định chủ trương, biện pháp cải thiện đời sống của nhân dân ; từng bước giải quyết việc làm và cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động ở địa phương;

2. Bảo đảm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ; phát triển giáo dục, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng ; bảo vệ sức khỏe của nhân dân, của người già, bà mẹ và trẻ em ; bảo đảm thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Xây dựng nếp sống văn minh, giáo dục đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; chống những biểu hiện không lành mạnh trong đời sống văn hóa và xã hội ở địa phương ;

3. Bảo đảm việc thi hành chính sách bảo hiểm xã hội, cứu tế xã hội ; chăm sóc và giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng.

Điều 12. — Về an ninh và quốc phòng, Hội đồng Nhân dân :

1. Quyết định các biện pháp tổ chức quốc phòng toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương; bảo đảm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự ; thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ và chính sách hậu phương đối với các lực lượng vũ trang nhân dân ;

2. Bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội ; phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 13. — Về chính sách dân tộc, Hội đồng Nhân dân bảo đảm thực hiện chính sách dân tộc ; bảo đảm sự bình đẳng giữa các dân tộc ; giữ vững và tăng cường khối đoàn kết dân tộc.

Điều 14. — Về pháp chế xã hội chủ nghĩa, Hội đồng Nhân dân :

1. Bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trong các cơ quan Nhà nước, các đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội, các lực lượng vũ trang nhân dân, trong

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

nhân viên Nhà nước và nhân dân ở địa phương;

2. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, giám sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, đơn vị kinh tế và các tổ chức khác của cấp trên ở địa phương;

3. Bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa ở địa phương;

4. Bảo hộ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích chính đáng khác của công dân; đồng thời động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước;

5. Bảo đảm việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của nhân dân địa phương, theo quy định của pháp luật.

Điều 15. — Về xây dựng bộ máy chính quyền ở địa phương, Hội đồng Nhân dân:

1. Bầu và bãi miễn các thành viên của Thường trực Hội đồng Nhân dân, các thành viên của Ủy ban Nhân dân; bầu và bãi miễn các thành viên của các Ban của Hội đồng Nhân dân; bầu và bãi miễn các thành viên của Tòa án Nhân dân cùng cấp, theo quy định của pháp luật;

2. Giải tán Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp khi Hội đồng Nhân dân này làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của nhân dân.

Nghị quyết giải tán đó phải được sự phê chuẩn của Hội đồng Nhân dân cấp trên trực tiếp trước khi thi hành. Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương giải tán Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp phải được sự phê chuẩn của Hội đồng Nhà nước trước khi thi hành;

3. Thông qua đề án phân vạch địa giới các đơn vị hành chính ở địa phương và đề nghị cấp trên xét.

Điều 16. — Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, quyết định của cấp trên, vào tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, Hội đồng Nhân dân:

1. Ra những nghị quyết và kiểm tra việc thi hành những nghị quyết đó. Những nghị quyết về những vấn đề mà pháp luật quy định thuộc quyền phê chuẩn của cấp trên thì trước khi thi hành, phải được cấp trên phê chuẩn;

2. Giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng Nhân dân cấp dưới; sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp;

3. Giám sát công tác của Thường trực Hội đồng Nhân dân, của Ủy ban Nhân dân, sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của Thường trực Hội đồng Nhân dân, của Ủy ban Nhân dân cùng cấp; giám sát công tác của Tòa án Nhân dân cùng cấp.

Điều 17. — Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng Nhân dân mỗi cấp do Hội đồng Nhà nước quy định.

Chương III

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 18. — Hội đồng Nhân dân các cấp ba tháng họp một kỳ.

Ở miền núi, nơi nào đi lại khó khăn, thì Hội đồng Nhân dân tỉnh và huyện có thể sáu tháng họp một kỳ.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Kỳ họp Hội đồng Nhân dân tỉnh, huyện và cấp tương đương do Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp triệu tập; kỳ họp của Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn do Ủy ban Nhân dân cùng cấp triệu tập theo đúng kỳ hạn.

Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, huyện và cấp tương đương, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn có thể triệu tập kỳ họp bất thường của Hội đồng Nhân dân cấp mình khi xét thấy cần thiết, hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp mình yêu cầu.

Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân tỉnh, huyện và cấp tương đương khóa mới do Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp khóa trước triệu tập; kỳ họp của Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn do Ủy ban Nhân dân cùng cấp khóa trước triệu tập chậm nhất là 30 ngày, sau khi bầu xong đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Ở miền núi, nơi nào đi lại khó khăn, thì kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân tỉnh có thể được triệu tập chậm nhất là 45 ngày, sau khi bầu xong đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, huyện và cấp tương đương chủ tọa các kỳ họp của Hội đồng Nhân dân cùng cấp. Hội đồng Nhân dân bầu Đoàn thư ký kỳ họp theo danh sách do Chủ tọa kỳ họp giới thiệu; Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn bầu ra Đoàn chủ tịch để chủ tọa kỳ họp và Đoàn thư ký kỳ họp do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân và các tổ trưởng tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân giới thiệu chung.

Kỳ họp Hội đồng Nhân dân được tiến hành khi có ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân tham dự.

Điều 19. — Hội đồng Nhân dân các cấp họp công khai; ngày họp, nơi họp và dự kiến chương trình làm việc của kỳ họp Hội đồng Nhân dân phải được Thường trực Hội đồng Nhân dân và nếu là kỳ họp Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn thì phải được Ủy ban Nhân dân cùng cấp thông báo cho đại biểu Hội đồng Nhân dân biết trước ít nhất là bảy ngày, kèm theo các tài liệu cần thiết và công bố cho nhân dân biết trước ít nhất năm ngày

Khi cần thiết, Hội đồng Nhân dân quyết định họp kín theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp hoặc của Ủy ban Nhân dân cùng cấp.

Điều 20. — Trong phiên họp đầu tiên kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa, Hội đồng Nhân dân cử ra Ban thẩm tra tư cách đại biểu Hội đồng Nhân dân theo danh sách do Chủ tọa kỳ họp giới thiệu.

Hội đồng Nhân dân căn cứ vào báo cáo của Ban thẩm tra tư cách đại biểu Hội đồng Nhân dân, quyết định xác nhận tư cách đại biểu của các đại biểu Hội đồng Nhân dân hoặc tuyên bố việc bầu một đại biểu nào đó là không có giá trị.

Khi có bầu cử bổ sung đại biểu, Hội đồng Nhân dân thành lập Ban thẩm tra tư cách đại biểu mới làm nhiệm vụ thẩm tra và báo cáo kết quả để Hội đồng Nhân dân quyết định xác nhận tư cách đại biểu của đại biểu được bầu bổ sung.

Điều 21. — Những vấn đề sau đây nhất thiết phải được thảo luận và giải quyết trong các kỳ họp Hội đồng Nhân dân:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Quyết định chương trình làm việc của kỳ họp Hội đồng Nhân dân;

2. Thẩm tra và xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng Nhân dân;

3. Quyết định kế hoạch kinh tế — xã hội và dự toán ngân sách của địa phương; phê chuẩn việc thực hiện kế hoạch và quyết toán ngân sách đó;

4. Quyết định phương hướng và chủ trương lớn về phát triển sản xuất, phân phối lưu thông, dịch vụ, văn hóa, xã hội; về công tác an ninh và quốc phòng;

5. Xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng Nhân dân, của Ủy ban Nhân dân, của Tòa án Nhân dân cùng cấp; xét báo cáo về việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của nhân dân;

6. Bầu và bãi miễn các thành viên của Thường trực Hội đồng Nhân dân, các thành viên của Ủy ban Nhân dân; bầu và bãi miễn các thành viên của các Ban của Hội đồng Nhân dân; bầu và bãi miễn các thành viên của Tòa án Nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

7. Xét và quyết định những trường hợp đại biểu Hội đồng Nhân dân xin từ chức, bãi miễn đại biểu hội đồng Nhân dân hoặc đưa ra để cử tri bãi miễn;

8. Thông qua đề án phân vạch địa giới các đơn vị hành chính ở địa phương và đề nghị cấp trên xét;

9. Sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của Thường trực Hội đồng Nhân dân, của Ủy ban Nhân dân cùng cấp hoặc của Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp;

10. Giải tán Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp, khi Hội đồng Nhân dân này làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của nhân dân.

Điều 22. — Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân phải được quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân biểu quyết tán thành.

Hội đồng Nhân dân biểu quyết bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp.

Sau kỳ họp của Hội đồng Nhân dân, nghị quyết và biên bản của kỳ họp phải gửi lên Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp chậm nhất là bảy ngày. Nghị quyết và biên bản của kỳ họp Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương phải gửi lên Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng chậm nhất là mười lăm ngày.

Nghị quyết và biên bản của các phiên họp Hội đồng Nhân dân phải được Chủ tịch Hội đồng Nhân dân ký chứng thực; nếu là các phiên họp Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn thì phải được Chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

Điều 23. — Khi Hội đồng Nhân dân họp, Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương, huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh và thị xã, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm mời đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp trên được bầu ra ở địa phương, đại diện Mặt trận tổ quốc, Liên đoàn lao động, Hội nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ đến dự.

Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tham dự các kỳ họp Hội đồng Nhân dân

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

và báo cáo tình hình chấp hành pháp luật ở địa phương theo yêu cầu của Hội đồng Nhân dân cùng cấp.

Chương IV

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ CẤP TƯƠNG ĐƯƠNG, HUYỆN, QUẬN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH VÀ THỊ XÃ VÀ CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 24. — Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương, huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh và thị xã gồm có Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân và Thư ký Hội đồng Nhân dân.

Trong kỳ họp đầu tiên của mỗi khóa Hội đồng Nhân dân, Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương, huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh và thị xã bỏ phiếu kín bầu ra Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân và Thư ký Hội đồng Nhân dân cấp mình trong số đại biểu Hội đồng Nhân dân theo danh sách đề cử chức vụ từng người do Thường trực Hội đồng Nhân dân khóa trước và các tổ đại biểu giới thiệu chung.

Thành viên của Thường trực Hội đồng Nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban Nhân dân cùng cấp.

Điều 25. — Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương, huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh và thị xã có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ tọa các kỳ họp Hội đồng Nhân dân cấp mình; tổng hợp ý kiến và nguyện vọng của nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng Nhân dân, bảo đảm việc chuẩn bị dự thảo các nghị quyết và các đề án khác trình Hội đồng Nhân dân;

2. Điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân, giữ mối liên hệ với các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng Nhân dân, hướng dẫn hoạt động của Hội đồng Nhân dân cấp dưới;

3. Đôn đốc và kiểm tra Ủy ban Nhân dân cùng cấp và các cơ quan Nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân;

4. Tiếp dân, đôn đốc, kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết các khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân gửi đến Hội đồng Nhân dân;

5. Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng Nhân dân cấp mình lên Hội đồng Nhân dân cấp trên. Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp ở địa phương lên Hội đồng Nhà nước.

Điều 26. — Chủ tịch Hội đồng Nhân dân điều khiển công việc của Thường trực Hội đồng Nhân dân, thay mặt Hội đồng Nhân dân trong quan hệ với các cơ quan Nhà nước, với Mặt trận tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận và công dân.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 27. — Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương, huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh và thị xã thành lập các Ban để giúp Hội đồng theo quy định của Hội đồng Nhà nước.

Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn thành lập Ban thư ký Hội đồng Nhân dân.

Mỗi ban có Trưởng ban, Phó trưởng ban và các thành viên khác của ban. Trưởng ban và các thành viên khác của Ban được Hội đồng Nhân dân bầu ra trong số đại biểu Hội đồng Nhân dân theo danh sách do Chủ tọa kỳ họp và các tổ chức đại biểu giới thiệu. Số thành viên của các Ban do Hội đồng Nhân dân quy định.

Thành viên của các Ban của Hội đồng Nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban Nhân dân cùng cấp.

Điều 28. — Các Ban của Hội đồng Nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây :

1. Tham gia chuẩn bị các kỳ họp của Hội đồng Nhân dân ;

2. Thẩm tra các báo cáo, đề án do Hội đồng Nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng Nhân dân giao cho ;

3. Nghiên cứu và kiến nghị với Hội đồng Nhân dân về những vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Ban ;

4. Giúp Hội đồng Nhân dân giám sát Ủy ban Nhân dân cùng cấp và các cơ quan khác của Nhà nước ở địa phương trong việc thi hành pháp luật, chính sách của Nhà nước và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cấp mình, các quyết định của các cơ quan Nhà nước cấp trên ;

5. Chất vấn Ủy ban Nhân dân, các thành viên của Ủy ban Nhân dân, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân và Tòa án Nhân dân cùng cấp. Thủ tục chất vấn và trả lời chất vấn tiến hành theo quy định tại điều 34 của Luật này ;

6. Yêu cầu các thành viên của Ủy ban Nhân dân, các cơ quan và nhân viên Nhà nước và những người hữu quan khác cung cấp tài liệu và trình bày những vấn đề cần thiết có liên quan đến nhiệm vụ của Ban.

Điều 29. — Ban thư ký Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây :

1. Giúp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cùng cấp trong việc chuẩn bị và triệu tập các kỳ họp Hội đồng Nhân dân ;

2. Tổ chức việc tiếp dân của Hội đồng Nhân dân, đôn đốc việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của nhân dân gửi đến Hội đồng Nhân dân ;

3. Giữ quan hệ với các đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Chương V

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 30. — Đại biểu mỗi khóa Hội đồng Nhân dân làm nhiệm vụ đại biểu bắt đầu từ kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân khóa đó đến kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân khóa sau.

Điều 31. — Đại biểu Hội đồng Nhân dân có nhiệm vụ tham gia các kỳ họp và phiên họp của Hội đồng Nhân dân.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Đại biểu nào không tham gia kỳ họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước cho Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp mình; đối với đại biểu Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn thì phải báo trước cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân.

Đại biểu nào không dự được phiên họp thì phải có lý do và phải báo trước cho Chủ tọa kỳ họp.

Điều 32. — Đại biểu Hội đồng Nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, phải thu thập và phản ảnh trung thực ý kiến và nguyện vọng của cử tri, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc và ít nhất là mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng Nhân dân; trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

Sau mỗi kỳ họp Hội đồng Nhân dân, các đại biểu Hội đồng Nhân dân phải báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết đã được Hội đồng Nhân dân thông qua, phải động viên và cùng với nhân dân góp phần thực hiện các nghị quyết đó.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, tuyên truyền, động viên nhân dân chấp hành pháp luật, chính sách và tham gia quản lý công việc của Nhà nước.

Điều 33. — Đại biểu Hội đồng Nhân dân, nhận được khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của nhân dân, có trách nhiệm nghiên cứu và yêu cầu thủ trưởng cơ quan Nhà nước hữu quan xem xét, giải quyết; theo dõi việc giải quyết và báo cho đương sự biết kết quả. Các cơ quan Nhà nước phải báo cho đại biểu Hội đồng Nhân dân biết kết quả giải quyết những khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của nhân dân do đại biểu Hội đồng Nhân dân chuyển đến.

Điều 34. — Đại biểu Hội đồng Nhân dân có quyền chất vấn Ủy ban Nhân dân, các thành viên của Ủy ban Nhân dân, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân và Tòa án Nhân dân cùng cấp.

Khi đại biểu Hội đồng Nhân dân chất vấn cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân nào thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân đó trả lời.

Cơ quan hoặc người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng Nhân dân tại kỳ họp của Hội đồng Nhân dân. Trong trường hợp cần điều tra thì Hội đồng Nhân dân quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau.

Khi cần thiết, Hội đồng Nhân dân ra nghị quyết về việc trả lời và trách nhiệm của cơ quan hoặc người bị chất vấn.

Điều 35. — Đại biểu Hội đồng Nhân dân có quyền yêu cầu các cơ quan Nhà nước, các đơn vị vũ trang nhân dân, các tổ chức xã hội kịp thời chấm dứt những việc làm trái pháp luật, chính sách của cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc nhân viên của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó.

Khi đại biểu Hội đồng Nhân dân đến gặp người phụ trách của cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc tổ chức xã hội thì người đó có trách nhiệm tiếp.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân có quyền kiến nghị với cơ quan Nhà nước về việc thi hành pháp luật, chính sách của Nhà

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

nước và về những vấn đề thuộc lợi ích chung; cơ quan hữu quan có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời kiến nghị đó của đại biểu.

Điều 36.— Đại biểu Hội đồng Nhân dân có quyền tham dự kỳ họp của Hội đồng Nhân dân cấp dưới nơi đã bầu ra mình, có quyền phát biểu ý kiến, nhưng không biểu quyết.

Điều 37. — Các đại biểu Hội đồng Nhân dân được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành một tổ đại biểu. Tổ đại biểu có nhiệm vụ tổ chức hoạt động của đại biểu, tổng hợp ý kiến và nguyện vọng của nhân dân trong đơn vị đã bầu ra mình, chuẩn bị tham gia các kỳ họp của Hội đồng Nhân dân; tổ chức nghiên cứu pháp luật, chính sách của Nhà nước do Thường trực Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân cùng cấp thông báo.

Tổ đại biểu cử ra tổ trưởng, tổ phó để điều khiển các cuộc họp của tổ.

Điều 38. — Trong thời gian Hội đồng Nhân dân họp, nếu không được sự đồng ý của Chủ tọa kỳ họp, thì không được bắt giữ đại biểu Hội đồng Nhân dân. Nếu vi phạm pháp quả tang hoặc trong trường hợp khẩn cấp mà đại biểu bị tạm giữ thì cơ quan ra lệnh tạm giữ phải báo cáo ngay với Chủ tọa kỳ họp.

Giữa hai kỳ họp Hội đồng Nhân dân, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra lệnh tạm giữ đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương, huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh và thị xã thì phải báo cho Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cùng cấp biết; nếu tạm giữ đại biểu Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn thì phải báo cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cùng cấp biết.

Điều 39.— Đại biểu Hội đồng Nhân dân nào phạm tội, bị Tòa án phạt tù, thì mất quyền đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Điều 40— Đại biểu Hội đồng Nhân dân có thể xin từ chức vì lý do không thể đảm nhiệm được nhiệm vụ đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Việc chấp nhận đại biểu Hội đồng Nhân dân từ chức do Hội đồng Nhân dân cùng cấp xét và quyết định.

Điều 41.— Đại biểu Hội đồng Nhân dân có thể bị cử tri của đơn vị bầu ra mình bãi miễn, nếu không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Tùy theo mức độ phạm sai lầm, đại biểu Hội đồng Nhân dân có thể bị Hội đồng Nhân dân bãi miễn hoặc đưa ra để cử tri ở đơn vị bầu ra đại biểu ấy bãi miễn theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Nhân dân hoặc của Ủy ban Mặt trận tổ quốc cùng cấp.

Điều 42. — Trong trường hợp khuyết đại biểu Hội đồng Nhân dân thì có thể tổ chức bầu cử bổ sung.

Hội đồng Nhà nước quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương.

Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện, xã và cấp tương đương.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân được bầu bổ sung bắt đầu làm nhiệm vụ từ kỳ họp

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Hội đồng Nhân dân sau cuộc bầu cử bổ sung đến kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân khóa sau.

Điều 43. Trong trường hợp đại biểu Hội đồng Nhân dân được phân công cùng di chuyển với nhân dân đến một địa phương khác, thì đại biểu đó là thành viên của Hội đồng Nhân dân cấp tương đương ở nơi mới đến và làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng Nhân dân nơi đó hết nhiệm kỳ.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp nào vì lý do thuyên chuyển mà không làm công tác và không cư trú ở địa phương thì Hội đồng Nhân dân cấp đó quyết định cho thôi chức vụ đại biểu.

Chương VI

ỦY BAN NHÂN DÂN

MỤC 1. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

Điều 44. — Ủy ban Nhân dân cùng với Thường trực Hội đồng Nhân dân chuẩn bị các kỳ họp của Hội đồng Nhân dân; phối hợp với các Ban của Hội đồng Nhân dân xây dựng các đề án trình Hội đồng Nhân dân xét và quyết định.

Ủy ban Nhân dân tổ chức và chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp và các nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị, thông tư của các cơ quan Nhà nước cấp trên.

Ủy ban Nhân dân chỉ đạo các ngành, các cấp thuộc quyền mình thực hiện kế hoạch và ngân sách, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội, củng cố quốc phòng và cải thiện đời sống nhân dân địa phương; đồng thời, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; cùng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tổ chức và chỉ đạo phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Điều 45. — Giữa hai kỳ họp Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân được xét và giải quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Nhân dân cùng cấp, trừ những vấn đề quy định tại điều 21 và điều 25 của Luật này, và phải trình Hội đồng Nhân dân phê chuẩn trong kỳ họp gần nhất.

Điều 46. — Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp dân, trực tiếp xét, giải quyết và chỉ đạo các ngành, các cấp thuộc quyền mình xét, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của nhân dân.

Điều 47. — Ủy ban Nhân dân các cấp có quyền ra những quyết định, chỉ thị theo quy định của pháp luật và kiểm tra việc thi hành những quyết định, chỉ thị ấy; đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của các ngành thuộc quyền mình và của Ủy ban Nhân dân cấp dưới; đình chỉ việc thi hành những nghị quyết không thích đáng của Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp, đồng thời đề nghị Hội đồng Nhân dân cấp mình sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết đó.

MỤC 2. TỔ CHỨC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

Điều 48. — Ủy ban Nhân dân gồm có Chủ tịch, một hoặc nhiều Phó Chủ tịch và các ủy viên khác.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân là đại biểu Hội đồng Nhân dân. Các thành viên khác của Ủy ban Nhân dân không nhất thiết phải là đại biểu Hội đồng Nhân dân cùng cấp.

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương có từ mười một đến mười bảy người.

Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh, thị xã có từ chín đến mười ba người.

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn có từ bảy đến chín người.

Số Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân mỗi cấp do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Điều 49. — Trong kỳ họp đầu tiên của mỗi khóa Hội đồng Nhân dân, Hội đồng Nhân dân bỏ phiếu kín bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, và các ủy viên khác của Ủy ban Nhân dân cấp mình theo danh sách đề cử chức vụ từng người do Chủ tọa kỳ họp và các tổ đại biểu giới thiệu chung; từng đại biểu Hội đồng Nhân dân cũng có quyền giới thiệu.

Kết quả bầu cử Ủy ban Nhân dân mỗi cấp phải được Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn; kết quả bầu cử Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương được Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn.

Khi khuyết thành viên của Ủy ban Nhân dân thì Hội đồng Nhân dân cùng cấp xét và quyết định bầu bổ sung.

Điều 50. — Ủy ban Nhân dân chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhân dân cùng cấp và trước Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhân dân cùng cấp và trước Hội đồng Bộ trưởng.

Ủy ban Nhân dân làm việc theo chế độ tập thể.

Mỗi thành viên của Ủy ban Nhân dân chịu trách nhiệm cá nhân về phần công tác của mình trước Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cùng cấp, và cùng với các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban Nhân dân trước Hội đồng Nhân dân cấp mình và trước cấp trên.

Điều 51. — Chủ tịch Ủy ban Nhân dân lãnh đạo và điều hành công tác của Ủy ban Nhân dân; triệu tập và chủ tọa các kỳ họp của Ủy ban Nhân dân; bảo đảm việc chấp hành các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân, các quyết định, chỉ thị của Ủy ban Nhân dân cấp mình và các nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị, thông tư của các cơ quan Nhà nước cấp trên.

Điều 52. — Ủy ban Nhân dân các cấp mỗi tháng họp ít nhất một lần.

Các quyết định của Ủy ban Nhân dân phải được quá nửa tổng số thành viên Ủy ban biểu quyết tán thành.

Điều 53. — Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương, huyện, quận và cấp tương đương được mời dự các kỳ họp của Ủy ban Nhân dân cùng cấp.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và những người phụ trách chính các đoàn thể nhân dân khác trong Mặt trận ở địa phương được mời dự các kỳ

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

họp của Ủy ban Nhân dân cùng cấp khi bàn đến các vấn đề quan trọng về kinh tế — xã hội, an ninh và quốc phòng ở địa phương.

Ủy ban Nhân dân các cấp tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong Mặt trận tổ chức và động viên nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

MỤC 3. CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN

Điều 54. — Ủy ban Nhân dân thành lập hoặc bãi bỏ các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân, theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 55. — Các cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban Nhân dân cùng cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước ở địa phương và bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác từ trung ương đến cơ sở.

Điều 56. — Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban Nhân dân cấp mình, đồng thời, chịu sự chỉ đạo của cơ quan chuyên môn cấp trên.

Thủ trưởng cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban Nhân dân, báo cáo công tác trước Hội đồng Nhân dân cấp mình khi cần thiết; đồng thời, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với cơ quan chuyên môn cấp trên.

Chương VII

NHỮNG BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 57. — Hội đồng Nhà nước giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp nhằm bảo đảm cho Hội đồng Nhân dân các cấp làm tròn trách nhiệm là cơ quan đại biểu cho nhân dân địa phương.

Khi cần thiết, Hội đồng Nhà nước ra nghị quyết để hướng dẫn hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp.

Điều 58. — Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm bảo đảm cho Hội đồng Nhân dân các cấp thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương; lãnh đạo Ủy ban Nhân dân các cấp làm tròn trách nhiệm của cơ quan chấp hành của Hội đồng Nhân dân và cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương.

Kinh phí hoạt động của Hội đồng Nhân dân do Hội đồng Nhân dân quyết định và ghi trong ngân sách địa phương theo quy định của Hội đồng Nhà nước.

Điều 59. — Khi thực hiện nhiệm vụ, đại biểu Hội đồng Nhân dân được bảo đảm các điều kiện cần thiết, do Hội đồng Nhà nước quy định.

Ủy ban Nhân dân các cấp, các cơ quan và nhân viên Nhà nước ở địa phương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các đại biểu Hội đồng Nhân dân và các Ban của Hội đồng Nhân dân, như cung cấp tư liệu, thông

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

tin, bảo đảm nơi tiếp xúc với cử tri, các phương tiện đi lại theo tiêu chuẩn.

Những người cản trở đại biểu Hội đồng Nhân dân và các Ban của Hội đồng Nhân dân thi hành nhiệm vụ sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Điều 60. — Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong Mặt trận giúp đỡ đại biểu Hội đồng Nhân dân cùng cấp làm nhiệm vụ đại biểu; tạo điều kiện cho đại biểu tiếp xúc với cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; kiến nghị những vấn đề cần thiết với Hội đồng Nhân dân. Mỗi năm hai lần Thường trực Hội đồng Nhân dân thông báo cho Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của Hội đồng Nhân dân.

Chương VIII

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC TRONG TRƯỜNG HỢP THAY ĐỔI CẤP HOẶC ĐỊA GIỚI CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 61. — Trong trường hợp sát nhập nhiều đơn vị hành chính thành một đơn vị hành chính mới, Hội đồng Nhân dân của các đơn vị hành chính cũ nhập lại thành Hội đồng Nhân dân của các đơn vị hành chính mới và hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Hội đồng Nhân dân của đơn vị hành chính mới bầu ra Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân mới.

Điều 62. — Trong trường hợp chia một đơn vị hành chính thành nhiều đơn vị hành chính mới, các đại biểu Hội đồng Nhân dân đã được bầu trong địa hạt đơn vị hành chính mới nào thì hợp thành Hội đồng Nhân dân của đơn vị hành chính ấy, và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ. Nếu cần bầu thêm đại biểu thì tiến hành theo quy định tại điều 42 của Luật này.

Hội đồng Nhân dân của đơn vị hành chính mới bầu ra Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân mới.

Điều 63. — Trong trường hợp một đơn vị hành chính thay đổi cấp thì Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân tiếp tục hoạt động với cương vị của cấp mới cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Điều 64. — Trong trường hợp một đơn vị hành chính mới được thành lập thì Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định Ủy ban Nhân dân lâm thời để đảm nhiệm công tác cho đến khi bầu ra Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân; đối với đơn vị hành chính tương đương cấp tỉnh thì Hội đồng Bộ trưởng chỉ định Ủy ban Nhân dân lâm thời.

Điều 65. — Trong trường hợp Hội đồng Nhân dân bị giải tán hoặc trong trường hợp đặc biệt khác, Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định Ủy ban Nhân dân lâm thời để đảm nhiệm công tác cho đến khi bầu ra Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân; đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương thì Hội đồng Bộ trưởng chỉ định Ủy ban Nhân dân lâm thời.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 66.— Luật này thay thế Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 30 tháng 6 năm 1983.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 67.— Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1989.

Chủ tịch Quốc hội
LÊ QUANG ĐẠO

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 37 - HĐBT ngày 5-2-1990 quy định chi tiết thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 28 tháng 6 năm 1988;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

NGHỊ ĐỊNH:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT QUỐC TỊCH

Điều 1. — Quyền lợi chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại điều 2 Luật Quốc tịch là những quyền lợi được pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết bảo đảm và những quyền lợi khác theo pháp luật và tập quán quốc tế, nếu việc hưởng những quyền lợi ấy không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Điều 2. — Những công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch khác (do chưa mất quốc tịch Việt Nam mà đã vào quốc tịch khác hoặc do xung đột giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài sinh ra), khi ở nước ngoài được Nhà nước Việt Nam bảo hộ phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế, khi ở Việt Nam được đối xử như mọi công dân Việt Nam.

Để được thôi quốc tịch Việt Nam, những công dân đó phải tuân theo mọi thủ tục quy định trong Nghị định này.

Điều 3. —

1. Phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 6 Luật Quốc tịch, trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là công dân nước ngoài, nếu sinh trên lãnh thổ Việt Nam hoặc khi sinh cha mẹ đều có nơi thường trú ở Việt Nam thì:

a) Có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ không lựa chọn hoặc không nhất trí lựa chọn quốc tịch khác;

b) Có quốc tịch khác theo sự nhất trí lựa chọn của cha mẹ.

2. Trong trường hợp trẻ em có cha mẹ khác quốc tịch như trên, sinh ngoài lãnh

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com